

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG

*Báo cáo Tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1-2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	4-26
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8-26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010890 ngày 10/02/2006.

- Chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 10/02/2006.
- Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 19/10/2012 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Viễn Đông, Số 36, Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2012 theo đăng ký kinh doanh: 203.930.000.000 VND, được chia thành 20.393.000 cổ phần.

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2012 là : 203.930.000.000 VND

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch
Ông Phạm Đức Trung Kiên	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên
Ông Goro Furuhashi	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám Đốc
Ông Phạm Minh Tuấn	Giám đốc điều hành

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;



Số: 263 /2013/BC.KTTC-AASC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được lập ngày 11 tháng 03 năm 2013 gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận, nếu có), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012; phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Quốc Dũng

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0285/KTV

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Thu Hương

Chứng chỉ KTV số: 0899/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
100	A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)		714.507.004.508	792.248.698.714
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	406.120.118.363	386.956.527.460
111	1. Tiền		45.730.118.363	25.956.527.460
112	2. Các khoản tương đương tiền		360.390.000.000	361.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	151.134.820.000	100.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		151.134.820.000	100.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu		145.474.695.516	62.354.071.869
131	1. Phải thu của khách hàng	5	125.738.838.071	53.280.111.142
132	2. Trả trước cho người bán	6	4.132.259.652	2.663.820.910
135	5. Các khoản phải thu khác	7	15.603.597.793	6.410.139.817
140	IV. Hàng tồn kho		9.353.091.092	202.455.504.868
141	1. Hàng tồn kho	8	9.353.091.092	202.455.504.868
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.424.279.537	40.482.594.517
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		284.356.924	123.548.619
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	22.501.128.597
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	2.139.922.613	17.857.917.301
200	B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260+269)		58.656.590.374	35.874.351.736
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		34.948.424.186	6.954.907.959
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.468.366.538	6.285.817.920
222	- Nguyên giá		21.395.543.875	17.899.258.116
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(16.927.177.337)	(11.613.440.196)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	363.040.869	669.090.039
228	- Nguyên giá		5.727.987.563	5.627.343.413
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.364.946.694)	(4.958.253.374)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	30.117.016.779	
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		8.934.217.885	10.126.281.962
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	4.482.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	13	8.284.217.885	9.446.390.246
258	3. Đầu tư dài hạn khác	14	650.000.000	650.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	(4.452.108.284)
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.228.946.273	6.521.016.348
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	3.366.908.106	4.612.478.181
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.862.038.167	1.908.538.167
269	VI. Lợi thế thương mại	16	9.545.002.030	12.272.145.467
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		773.163.594.882	828.123.050.450



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NGUỒN VỐN				
300	A. Nợ phải trả (300 =310+330)		214.677.391.343	357.255.240.708
310	I. Nợ ngắn hạn		211.106.707.894	355.127.901.780
312	2. Phải trả cho người bán		70.745.940.917	268.576.466.329
313	3. Người mua trả tiền trước		8.962.711.947	1.006.237.041
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	38.310.351.277	28.420.885.433
315	5. Phải trả người lao động		4.522.470.506	5.348.934.694
316	6. Chi phí phải trả	18	39.537.991.149	30.706.806.240
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	33.181.702.106	4.555.723.947
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		15.845.539.992	16.512.848.096
330	II. Nợ dài hạn		3.570.683.449	2.127.338.928
333	3. Phải trả dài hạn khác	20	1.034.000.000	1.024.000.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	1.103.338.928
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		2.536.683.449	-
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		534.055.743.177	447.976.711.585
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	21	534.055.743.177	447.976.711.585
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		203.930.000.000	100.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		239.476.715.167	230.063.224.554
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		76.256.320	79.579.470
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(111.200.000)	(22.000.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	10.401.265
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.723.420.259	1.723.420.259
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		987.604	1.030.642
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		88.959.563.827	116.121.055.395
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
439	C. Lợi ích của cổ đông thiểu số		24.430.460.362	22.891.098.157
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)		773.163.594.882	828.123.050.450

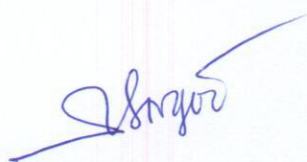
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại		-	-
EUR		205,80	216,72
6. USD		551,58	574,91

Lập, ngày 11 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc



Đặng Thị Hương



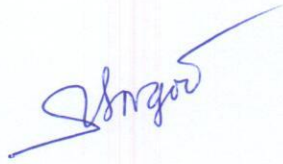
Nguyễn Mạnh Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.570.849.015.259	770.829.374.362
02	2. Các khoản giảm trừ	23	42.438.803	32.381.027
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1.570.806.576.456	770.796.993.335
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.427.803.539.361	609.833.666.212
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		143.003.037.095	160.963.327.123
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	68.236.104.792	40.067.263.211
22	7. Chi phí tài chính	27	878.845.528	192.242.995
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		848.749.104	51.138.889
24	8. Chi phí bán hàng	28	41.947.760	1.263.735.441
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	28.131.454.823	26.177.241.917
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		182.186.893.776	173.397.369.981
31	11. Thu nhập khác	30	1.389.350.563	184.272.627
32	12. Chi phí khác	31	69.682.337	31.674.326
40	13. Lợi nhuận khác		1.319.668.226	152.598.301
45	14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD	32	1.465.737.715	2.631.365.278
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		184.972.299.717	176.181.333.560
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	45.768.805.333	45.205.067.344
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		139.203.494.384	130.976.266.216
61	19. Lợi ích của cổ đông thiểu số		1.539.362.205	(2.613.945.298)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		137.664.132.179	133.590.211.514
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	6.838	7.100

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc



Đặng Thị Hương



Nguyễn Mạnh Hà

TRẮC
DỊCH
TÀI C
K
HOÀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2012
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		184.972.299.717	176.181.333.560
	2. Điều chỉnh các khoản		(62.948.371.292)	(37.085.032.311)
02	- Khấu hao TSCĐ		5.758.070.248	5.490.635.411
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(10.466.868)	
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(69.544.723.776)	(42.626.806.611)
06	- Chi phí lãi vay		848.749.104	51.138.889
08	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		122.023.928.425	139.096.301.249
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(57.309.327.518)	999.043.640
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		193.102.413.776	(195.573.728.645)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(169.055.741.094)	240.085.312.080
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.811.905.207	11.734.187.678
13	- Tiền lãi vay đã trả		(848.749.104)	(51.138.889)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(40.673.330.817)	(47.121.714.115)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.536.294.000	
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.388.637.009)	(27.015.779.803)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		50.198.755.866	122.152.483.195
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(33.778.821.688)	(4.095.940.107)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		144.363.772	15.533.025
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(51.134.820.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.482.000	30.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			821.894.190
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		70.029.737.218	44.367.301.466
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(14.735.058.698)	71.108.788.574
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		13.272.000.000	248.824.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(89.200.000)	(22.000.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		14.000.000.000	
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(14.000.000.000)	(800.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.472.505.000)	(109.995.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16.289.705.000)	138.007.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		19.173.992.168	331.268.271.769
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		386.956.527.460 (10.401.265)	55.685.238.696 3.016.995
70	Tiền và tương đương tiền		406.120.118.363	386.956.527.460

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc

Kế toán trưởng

Đặng Thị Hương

Lập ngày 11 tháng 03 năm 2013
Tổng Giám đốc

Nguyễn Mạnh Hà

11110
ĐĂNG KÝ
NHIỆM VỤ
VỤ TƯ
LẬP KẾT
TỔNG TO
KIỂM-T